

Số: **05**/2023/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày **21** tháng **3** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm

2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Tổng hợp danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Trên cơ sở Quyết định danh mục các nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong năm hoặc Chương trình công tác năm của Ủy ban nhân dân tỉnh và căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất của các huyện, thành phố đã được phê duyệt; cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư hoặc được giao làm đại diện chủ đầu tư đăng ký danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 58 và khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 đối với các công trình, dự án đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch và mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng với Phòng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện*) nơi thực hiện dự án, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Bồi thường đối với vật nuôi là thủy sản

1. Đối với vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm. Trường hợp có thể di chuyển được thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra, mức bồi thường bằng 80% giá trị bồi thường.

2. Trường hợp thu hồi một phần diện tích đất nuôi trồng thủy sản mà làm ảnh hưởng đến diện tích nuôi trồng còn lại thì được bồi thường sản lượng hiện có cho toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thủy sản đó. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm kiểm tra thực tế và phải có xác nhận của UBND cấp xã nơi thu hồi đất về mức độ ảnh hưởng”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Hỗ trợ ổn định đời sống cho các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ).

Mức hỗ trợ đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ) và Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) được xác định như sau:

Mức hỗ trợ bằng (=) (số nhân khẩu) x (30kg gạo/tháng) x (đơn giá gạo) x (thời gian hỗ trợ).

Trong đó: Đơn giá gạo được áp dụng theo giá gạo tẻ thường tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường trên địa bàn nơi có đất bị thu hồi theo Thông báo giá hàng tháng của Sở Tài chính hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố.

2. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất một lần bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp được cơ quan Thuế tại địa phương xác nhận.

3. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ) thì được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo hình thức bằng tiền. Mức hỗ trợ được xác định như sau:

Mức hỗ trợ bằng (=) (số nhân khẩu) x (30kg gạo) x (đơn giá gạo).

Trong đó: Đơn giá gạo được áp dụng theo giá gạo tẻ thường tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường trên địa bàn nơi có đất bị thu hồi theo Thông báo giá hàng tháng của Sở Tài chính hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố.

4. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ) mà thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp

luật về lao động với thời gian trợ cấp là 06 tháng. Hợp đồng lao động được tính hỗ trợ phải được ký trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền ít nhất một (01) tháng trở lên và việc hỗ trợ chỉ được áp dụng đối với Hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc Hợp đồng lao động có xác định thời hạn từ 06 tháng trở lên.

5. Thời gian chi trả tiền hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này được trả một (01) lần cùng với thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 21 như sau:

“8. Trường hợp nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng hợp pháp không bị thu hồi đất hoặc bị thu hồi đất mà nhà ở, công trình không bị thu hồi, không bị phá dỡ nhưng do Nhà nước thực hiện công trình, dự án làm ảnh hưởng đến công năng sử dụng, có cao độ thiết kế được phê duyệt hoặc cao độ sau khi hoàn thành cao hơn hoặc thấp hơn so với cốt nền xây dựng nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo hướng chính của nhà ở, công trình; phần công trình (*tầng âm, tầng hầm*) của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do công trình, dự án của Nhà nước đầu tư làm ảnh hưởng đến công năng sử dụng cần phải xử lý kỹ thuật để khắc phục thì được hỗ trợ như sau:

a) Cao độ cao hơn hoặc thấp hơn từ 0,75 m đến 1,5 m thì được hỗ trợ, cụ thể:

- Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 3,0 m thì mức hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liên khối hiện có bị ảnh hưởng.

- Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình của Nhà nước từ trên 3,0 m đến 5,0 m thì mức hỗ trợ bằng 30% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liên khối hiện có bị ảnh hưởng.

b) Cao độ cao hơn hoặc thấp hơn từ trên 1,5 m đến 2,5 m thì được hỗ trợ, cụ thể:

- Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 3,0 m thì mức hỗ trợ bằng 80% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liên khối hiện có bị ảnh hưởng.

- Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước từ trên 3,0 m đến 5,0 m thì mức hỗ trợ bằng 60% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy

định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

c) Trường hợp cao độ cao hơn hoặc thấp hơn trên 2,5 m và cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 5,0 m thì được hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

d) Đối với nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng có thể tháo dỡ mà chủ sở hữu tài sản có nhu cầu di chuyển đến chỗ ở mới thì chỉ được hỗ trợ các chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và vật liệu bị hao hụt, hư hỏng do tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt theo quy mô tương đương với công trình cũ thì hỗ trợ bằng 30% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.

đ) Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng theo quy định tại điểm a, b và c khoản này nếu người sử dụng đất có đơn đề nghị thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi đất. Trong trường hợp thu hồi đất thì thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

e) Đối với các hạng mục tầng âm, tầng hầm của nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do công trình, dự án Nhà nước đầu tư mà phải xử lý kỹ thuật mới sử dụng được như bình thường thì được hỗ trợ bằng 20% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích tầng âm, tầng hầm của nhà ở, công trình bị ảnh hưởng. Trường hợp không sử dụng được thì được bồi thường toàn bộ diện tích tầng âm, tầng hầm của nhà ở, công trình bị ảnh hưởng theo đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích tầng âm, tầng hầm của nhà ở, công trình bị ảnh hưởng.

g) Trường hợp công trình, dự án do Nhà nước đầu tư không đi qua hướng chính nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng hợp pháp nhưng có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đó thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bồi thường, hỗ trợ cụ thể theo các mức tương ứng được quy định tại điểm a, b, c, d, đ và e khoản này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 như sau:

“1. Chủ đầu tư tự thực hiện hoặc lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực để lập Thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trước khi trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt để tổ chức thực hiện. Sau khi Thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt, chủ đầu tư dự án gửi 01 bộ hồ sơ (*dạng số*) kèm theo Quyết định phê duyệt về

Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai - Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra và theo dõi, quản lý.”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2023.
2. Đối với những phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường thì thực hiện theo phương án bồi thường đã được phê duyệt.
3. Đối với những phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chưa được phê duyệt thì thực hiện theo Quyết định này.
4. Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định này vẫn thực hiện theo Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Lưu: VT, Th1, Kt4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Trọng Hải